

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS- ST.

Ngày: 29-3-2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ và bà Hoàng Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 – *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Anh Lê Đức Đ, sinh năm 1976 và chị Trần Thị T, sinh năm 1978 – *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Khoảng trước năm 2015 (không nhớ rõ thời gian cụ thể) anh có cho anh Đ, chị T vay tiền để mua xe chở hàng loại nhỏ. Số tiền vay là 40.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất, hạn thời gian trả là 01 năm. Anh Đ, chị T có trả 02 lần tiền lãi, không nhớ chính xác số tiền là bao nhiêu và thời gian nào do đã quá lâu. Tiền gốc còn nguyên chưa trả. 02 lần trả tiền lãi hai bên không ghi giấy tờ gì, giấy vay tiền hiện anh không còn giữ nên không cung cấp được. Sau này nhiều lần anh đòi tiền nhưng anh Đ, chị T không trả nợ gốc, cũng không trả thêm tiền lãi lần nào.

Ngày 15-4-2020 sau nhiều lần không liên lạc được, anh tới nhà anh Đ, chị T; hai bên tiến hành đối chiếu công nợ lại, thống nhất số tiền anh Đ, chị T vay và ký hợp đồng tín dụng tư nhân vay của anh số tiền là 80.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận tính lãi trên số tiền 80.000.000 đồng là 2%/tháng. Anh Đ, chị T hẹn ngày 31-12-2020 sẽ trả hết cả gốc và lãi.

Ngày 02-5-2020 chị T đem tiền tới trả cho anh được 15.000.000 đồng. Sau đó đến hạn anh Đ, chị T không trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Anh đã nhiều lần gọi điện, đến nhà yêu cầu anh Đ, chị T trả nợ nhưng anh chị không có thiện chí trả.

Do quá hạn đã lâu, anh Đ, chị T không trả nợ nên anh yêu cầu anh Đ, chị T trả 65.000.000 đồng nợ gốc. Anh D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc do chị T đã trả ngày 02-5-2020 là 15.000.000 đồng. Yêu cầu anh Đ, chị T trả lãi suất của số tiền 65.000.000 đồng từ 15-4-2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm; mức lãi suất là 20%/năm/nợ gốc.

Đối với xe mô tô mà anh Đ, chị T trình bày anh lấy là không đúng. Chị T đem trả anh số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 02-5-2020, lúc trả tiền chị T không ký vào Hợp đồng tín dụng là đã trả được 15.000.000 đồng nên anh yêu cầu chị T ký, hai bên cũng có tranh cãi về việc anh Đ, chị T hứa trả 20.000.000 đồng nhưng chỉ đem tới trả 15.000.000 đồng. Sau khi chị T ký xong thì anh đi cất giấy, chị T có điện thoại cho ai anh không rõ rồi anh ra bán xăng cho khách. Sau đó anh mới phát hiện chị T để lại xe mô tô honda Super Dream, biển kiểm soát 61-T4 7383 ở nhà anh. Anh có gọi điện thoại cho anh Đ tới lấy xe ngay trong ngày 02-5-2020 nhưng anh Đ không tới lấy, sau đó anh có gọi vài lần nữa đề yêu cầu anh Đ tới lấy xe về nhưng anh Đ vẫn không tới lấy. Xe vẫn để nguyên cho tới giờ, anh và cả gia đình không ai sử dụng. Anh không hề lấy xe của anh Đ, chị T như trình bày của anh chị.

Bị đơn anh Lê Đức Đ trình bày:

Chị Trần Thị T, sinh năm 1978 là vợ của anh, anh không có quan hệ thân thích gì với anh Nguyễn Văn D. Năm 2015, do cần vốn kinh doanh trái cây nên thông qua người quen giới thiệu, anh tới nhà anh D vay số tiền 40.000.000 đồng. Có viết giấy, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Anh và vợ trả cho anh D 02 lần tiền lãi, mỗi lần trả 10.000.000 đồng. Khi trả lãi, vợ chồng anh không yêu cầu anh D ký giấy tờ.

Ngày 15-4-2020 anh D viết lại giấy nợ thể hiện số tiền vợ chồng anh nợ là 80.000.000 đồng. Sau đó, ngày 02-5-2020 vợ anh, chị Trần Thị T có đem 15.000.000 đồng tới nhà anh D để trả. Số tiền còn lại hẹn trả dần do chưa có tiền.

Khi viết giấy vay, hai bên thỏa thuận ngày 31-12-2020 sẽ trả hết nợ. Tuy nhiên sau đó hai bên xảy ra mâu thuẫn, anh D lấy xe mô tô nên vợ chồng anh không trả nợ cho anh D nữa. Anh D lấy xe, anh và vợ không trình báo chính quyền địa phương và công an giải quyết.

Nay anh D khởi kiện vợ chồng anh, yêu cầu trả số tiền 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất. Quan điểm của anh là vợ chồng anh đã trả được 35.000.000 đồng nên đề nghị anh D giảm bớt nợ và đồng thời cho trả dần.

Bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị là vợ anh Lê Đức Đ, không có quan hệ thân thích gì với anh Nguyễn Văn D. Chị T thống nhất như trình bày của anh Đ và không bổ sung gì thêm.

Tại phiên hòa giải: Các đương sự đã thống nhất được nợ gốc anh Đ, chị T vay của anh D là 65.000.000 đồng; ngày vay tiền xác định là ngày 15-4-2020; lãi suất được tính là 20%/năm/nợ gốc nhưng không thống nhất được thời gian trả nợ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T trả số tiền 65.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 20%/nợ gốc/năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Do anh Đ, chị T khó khăn nên anh D tự nguyện bớt 10.000.000 đồng tiền lãi suất.

Bị đơn anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng tư nhân là của anh chị và thời điểm ký nhận nợ không bị ép buộc, anh chị vay tiền thì phải trả, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả dần. Anh D không đồng ý phương án trả dần của anh Đ, chị T.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn D, buộc anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T trả cho anh Nguyễn Văn D 65.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và lời khai của anh Nguyễn Văn D, yêu cầu vợ chồng anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T trả 65.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T cư trú tại Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D:

Về nợ gốc: Ngày 15-4-2020 anh Lê Đức Đ và anh Nguyễn Văn D ký hợp đồng tín dụng tư nhân, thể hiện anh Đ vay anh D số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng, hạn trả vào ngày 31-12-2020. Việc ký kết hợp đồng là tự nguyện. Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự

và đã phát sinh hiệu lực. Ngày 02-5-2020 chị Trần Thị T tới nhà, trả cho anh D 15.000.000 đồng, hai bên đều thừa nhận tiền trả vào nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án chị T, anh Đ trình bày khoảng năm 2015 có vay tiền của anh D, mục đích để kinh doanh trái cây. Số tiền vay là 40.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, anh chị không giữ giấy tờ. Anh chị đã trả lãi được 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng nhưng cũng không lập giấy tờ, anh D không nhớ số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Ngày 15-4-2020 tại nhà anh Đ, chị T, anh Đ ký hợp đồng thừa nhận số tiền nợ anh D đến thời điểm ngày 15-4-2020 là 80.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất được tính trên số tiền 80.000.000 đồng. Đây là thỏa thuận mới giữa hai bên, thỏa thuận là tự nguyện, không bị lừa dối nên có giá trị để thi hành. Bên cạnh đó, tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, anh Đ, chị T và anh D cũng thống nhất thỏa thuận được số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng.

Việc đến hạn trả ngày 31-12-2020 anh Đ, chị T không trả đầy đủ nợ gốc và lãi suất là vi phạm theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh D. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D về số tiền nợ gốc là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Hợp đồng tín dụng ngày 15-4-2020 thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, vượt quá trần lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh D đề nghị tính lại lãi suất theo quy định là 20%/nợ gốc/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành anh Đ, chị T và anh D cũng đã thống nhất lãi suất được tính là 20%/nợ gốc/năm. Đề nghị của anh D và sự thống nhất của đương sự là phù hợp, cụ thể tiền lãi mà anh Đ, chị T phải trả là:

$65.000.000 \times 20\% / 12 \times 01 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 25.422.222 \text{ đồng.}$

Thời gian tính lãi từ 15-4-2020 đến 29-3-2022 là 01 năm 11 tháng 14 ngày.

Về nghĩa vụ trả nợ: Mặc dù chị T không ký hợp đồng tín dụng nhưng chị có đem tiền trả cho anh D, thể hiện chị biết số tiền vay anh D. Ngoài ra chị trình bày nợ anh D có nguồn gốc từ vay tiền để kinh doanh trái cây, phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, cần buộc chị T và anh Đ cùng thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D tự nguyện giảm bớt cho anh Lê Đức Đ, chị Trần Thị T 10.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, chị T và anh Đ có nghĩa vụ trả cho anh D tổng cộng 80.422.222 đồng, gồm 65.000.000 đồng nợ gốc và 15.422.222 đồng tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ, chị T trả 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất. Ngày 18-02-2022 anh D rút một phần đơn khởi kiện đối với 15.000.000 đồng nợ gốc do chị T đã trả vào ngày 02-5-2020. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh D về việc buộc anh Đ, chị T trả số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc trong Hợp đồng tín dụng tư nhân ký kết ngày 15-4-2020.

Đối với trình bày của anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T về việc anh D lấy xe mô tô của anh chị: xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh chị không đưa ra được tài liệu chứng cứ thể hiện anh D có hành vi chiếm đoạt tài sản, anh chị không trình báo chính quyền địa phương, cơ quan Công an để xử lý, giải quyết; anh chị cũng không có đơn phản tố. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không có thẩm quyền giải quyết nội dung này.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D được chấp nhận nên anh Lê Đức Đ, chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

Buộc anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 80.422.222 đồng, gồm 65.000.000 đồng nợ gốc và 15.422.222 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D đối với yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Đức Đ, chị Trần Thị T trả số tiền 15.000.000 đồng trong 80.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng tư nhân ký kết ngày 15-4-2020.

2. Về án phí:

Anh Lê Đức Đ và chị Trần Thị T phải nộp 4.021.111đ (*Bốn triệu không trăm hai mươi một nghìn một trăm mười một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn D được nhận lại 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004668 ngày 13-01-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R’Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà